

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2021/HNGĐ-ST

Ngày 13-07-2021

V/v ly hôn, con chung giữa

chị A và anh N

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hóa;

Ông Nguyễn Hải Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Minh Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án N dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị A, sinh năm 1992; địa chỉ: Xóm 23, xã Đ, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;(vắng mặt).

Bị đơn: Anh Ngô Văn N, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm 23, xã Đ, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.(có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Trần Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị A và anh N đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 19-7-2011 tại Ủy ban N dân xã Đ, huyện Hải Hậu, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, bố mẹ anh N cho đất vợ chồng xây nhà

ở xóm 23, xã Đ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống có lúc hòa thuận hạnh phúc, cũng có lúc hay xảy ra xô xát, cãi chửi nhau nhưng chị A đều nhẫn nhịn cho qua. Từ đầu năm 2020, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên N là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, anh N có biểu hiện không chung thủy và anh N có tính gia trưởng, áp đặt vợ phải nghe theo ý của anh N nên vợ chồng thường xuyên đánh nhau. Chị đã nhiều lần phải nhờ đến an ninh xóm và hai bên gia đình đến giải quyết. Anh N có hứa hẹn, xin lỗi chị nhiều lần và gia đình nhưng sau đó lại vẫn tính nào tặc ấy, không thay đổi bản thân. Do đó, chị A cảm thấy cuộc sống chung với anh N rất căng thẳng, mệt mỏi, vợ chồng không còn tiếng nói chung. Đến tháng 10 năm 2020, chị A đã bỏ về nhà ngoại ở và đi làm xa, vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2021 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh N vẫn thường nhắn tin gọi điện đe dọa, chửi bới chị A, không cho chị về nhà nữa. Nay chị A xét thấy tình cảm của chị với anh N không còn nên đề nghị Tòa án cho ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Ngô Văn T, sinh ngày 10-5-2012, Ngô Văn H, sinh ngày 23-3-2014 và Ngô Thanh V, sinh ngày 02-12-2016. Hiện nay cháu T và cháu H đang ở với anh N; cháu V đang ở với chị A. Khi ly hôn chị A có nguyện được nuôi cả ba con chung nhưng do cháu T và cháu H đều có nguyện vọng ở với bố nên chị tôn trọng nguyện vọng của các con. Chị A xin nhận nuôi cháu V và để cháu T, cháu H cho anh N nuôi, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản: Hai bên đương sự sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Ngô Văn N có lời khai phù hợp với lời khai của chị A về thời gian kết hôn, quá trình chung sống. Theo anh N thì vợ chồng sống đôi lúc có xảy ra cãi chửi nhau nhưng vẫn chưa phải là mâu thuẫn trầm trọng. Đến tháng 01/2021, vợ chồng có xảy ra xích mích chửi nhau nhưng chỉ là những va chạm trong cuộc sống hàng ngày. Chị A bỏ nhà đi không thông báo với anh N, vợ chồng sống ly thân từ tháng 1/2021. Nay chị A làm đơn xin ly hôn, anh N không nhất trí ly hôn vì anh là người theo đạo công giáo và anh không muốn vợ chồng bỏ nhau vì các con còn nhỏ.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung như chị A trình bày. Tuy anh N không nhất trí ly hôn nhưng trường hợp Tòa án xét xử cho ly hôn, thì anh N nhận nuôi cháu T và cháu H, chị A nuôi cháu V, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản: Anh N có lời khai thống nhất với lời khai của chị A, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị A vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt, anh N giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Hải Hậu phát biểu quan điểm về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị A vắng mặt đã có đơn xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt chị A là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị A, xử ly hôn giữa chị Trần Thị A và anh Ngô Văn N. Về con chung: do cháu T và cháu H có nguyện vọng xin ở với bố nên giao cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng trực tiếp. Giao cháu V cho chị A nuôi dưỡng trực tiếp hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Về tài sản và nghĩa vụ tài sản do chị A và anh N không yêu cầu giải quyết nên không đề cập giải quyết. Các vấn đề khác đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Trần Thị A có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị A là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn N*: Quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị A và anh Ngô Văn N là quan hệ hôn N hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban N dân xã Đ, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 19-7-2011. Vợ chồng chung sống không hòa thuận vì vẫn xảy ra xô xát, cãi chửi nhau. Nguyên N là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, không có tiếng nói chung. Tháng 01/2021 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Do đó, chị A đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh N.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị A thì thấy: Mặc dù anh N không đồng ý ly hôn nhưng xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh N xuất phát từ tính cách, quan điểm sống của hai người hoàn toàn khác nhau. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi tình cảm, trách nhiệm đối với nhau từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân, bản thân chị A, anh N đều không có biện pháp, hành động thiết thực nhằm hàn gắn tình cảm nên vợ chồng ngày càng xa cách. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn N không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị A đối với anh N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn N và gia đình.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng có ba con chung là Ngô Văn T, sinh ngày 10-5-2012, Ngô Văn H, sinh ngày 23-3-2014 và Ngô Thanh V, sinh ngày 02-12-2016. Anh N tuy không nhất trí ly hôn nhưng trường hợp tòa xử cho ly hôn thì anh N, chị A đều thống nhất: Anh N nuôi dưỡng trực tiếp cháu T, cháu H; chị A nuôi dưỡng trực tiếp cháu V, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Xét điều kiện hoàn cảnh hiện nay và nguyện vọng của hai bên thì thấy: cần giao cháu Ngô Văn T và Ngô Văn H cho anh N; giao cháu Ngô Thanh V cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và được quyền thăm con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn N và gia đình.

[5] *Về tài sản và nghĩa vụ tài sản*: Chị A và anh N xác nhận vợ chồng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Trần Thị A phải nộp tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn N và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn N: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị A và anh Ngô Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Thanh V, sinh ngày 02-12-2016 cho chị Trần Thị A nuôi dưỡng trực tiếp; giao cháu Ngô Văn T, sinh ngày 10-5-2012 và Ngô Văn H, sinh ngày 23-3-2014 cho anh Ngô Văn N nuôi dưỡng trực tiếp. Chị A và anh N chăm sóc, nuôi dưỡng con chung được giao cho đến khi các con chung thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình hoặc các bên có yêu cầu khác. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau và được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị A, anh N thăm con nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con.

3. Về án phí: Chị Trần Thị A phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0002568 ngày 07-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng

